

Name \_\_\_\_\_ Class \_\_\_\_\_ No. \_\_\_\_\_

问候 wènhòu Greeting

Drag the pictures and drop to their correct definition .

 早饭	
 晚安	
 中午好	
 下午好	
 高兴	



## Sentence Building

What is your name?

jiào  
叫

shénme  
什么

nǐ  
你

míngzi  
名字

What is your country?

nǐ  
你

rén  
人

nǎ guó  
哪国

shì  
是

I am Thai.

shì  
是

wǒ  
我

rén  
人

tàiguó  
泰国

Nice to meet you too.

gāoxìng  
高兴

hěnn  
很

rènshi  
认识

nǐ  
你

I know you very early.

wǒ  
我

nǐ  
你

rènshi  
认识

hěnzǎo  
很早